

CHÍNH PHỦ
Số: 24-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH
Về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 38/CP ngày 4 tháng 5 năm 1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

THỦ TỤC XUẤT NHẬP CẢNH

Điều 1.

1. Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định xuất cảnh đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh);

2. Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh xét, quyết định xuất cảnh đối với:

Công chức, viên chức và những người thuộc biên chế cơ quan, doanh nghiệp nhà nước cấp thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này (bao gồm cả những người được cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước cử sang làm việc tại các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức của nước ngoài tại Việt Nam.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (bao gồm cả công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có các doanh nghiệp nhà nước góp vốn) do Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh quyết định hoặc cho phép thành lập.

Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh có thể phân cấp cho Thủ trưởng các cơ quan sự nghiệp (Tổng cục hoặc Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ, Viện nghiên cứu khoa học, Học viện hoặc Trường Đại học có quy mô quốc gia...), Giám đốc các Sở trực thuộc tỉnh, Tổng giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước có quy mô quốc gia và thường xuyên có các quan hệ quốc tế, được quyền quyết định và chịu trách nhiệm đối với công chức, viên chức, nhân viên thuộc quyền quản lý của họ (cả về nhân sự và chuyên môn, nghiệp vụ) đi nước ngoài để thực hiện các thỏa thuận hoặc hợp đồng ký kết với nước ngoài về hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, đào tạo, lao động, chuyên gia v.v... mà Bộ và tỉnh đã cho phép ký hoặc đã phê duyệt việc ký kết đó.

Việc phân cấp nói trên, Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh phải có văn bản giới thiệu chữ ký, con dấu và quy định rõ phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của người được ủy quyền với Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ;

3. Thẩm quyền xét, quyết định xuất cảnh đối với công chức, viên chức, nhân viên thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan Đảng, Đoàn thể nhân dân cấp Trung ương (Mặt trận tổ quốc, Tổng liên đoàn lao động, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân) thực hiện theo quy định của Ban bí thư Trung ương Đảng;

4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ xét, quyết định xuất cảnh đối với công dân Việt Nam không thuộc diện quy định tại các khoản 1, 2, 3 nói trên như:

Công dân xin đi học, chữa bệnh, du lịch, lao động, thăm thân nhân ở nước ngoài (trừ những trường hợp vợ/chồng, con dưới 16 tuổi xin đi thăm thân nhân là công chức, viên chức, nhân viên cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài) hoặc xin đi nước ngoài vì các mục đích cá nhân khác;

Hội viên của các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp (ngoài các đoàn thể nhân dân cấp Trung ương) được tổ chức mình cử đi công tác nước ngoài;

Thành viên của các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, doanh nghiệp tư nhân... được tổ chức cử đi công tác nước ngoài;

Công dân Việt Nam làm việc trong các xí nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, chi nhánh công ty nước ngoài và văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam... xin đi nước ngoài vì mục đích cá nhân hoặc do các tổ chức này cử đi làm việc ở nước ngoài.

Điều 2. Thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 1 như sau:

1. Xuất cảnh lần đầu:

a) Cơ quan có thẩm quyền cần gửi Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ văn bản và danh sách nhân sự đã quyết định cho xuất cảnh;

b) Đương sự làm đơn khai xin cấp hộ chiếu và thị thực (theo mẫu do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ quy định), có dán ảnh, có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý mình. Nếu Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền trực tiếp ký xác nhận vào đơn khai của đương sự thì không cần văn bản nêu tại điểm a khoản này.

Người có thẩm quyền quyết định xuất cảnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhân sự và việc tham khảo ý kiến các cơ quan hữu quan đối với các trường hợp phức tạp (theo quy định tại Điều 3 Quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 01 tháng 12 năm 1992 của Chính phủ);

2. Xuất cảnh từ lần thứ hai trở đi: nếu thời gian cách lần xuất cảnh trước chưa quá 12 tháng thì chỉ cần văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xuất cảnh kèm theo hộ chiếu của đương sự còn thời hạn giá trị. Đương sự vẫn phải làm đơn khai xin cấp thị thực nhưng không cần chữ ký xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị như lần đầu;

3. Bộ Nội vụ không xét duyệt nhân sự đối với công chức, viên chức, nhân viên và những người thuộc biên chế các cơ quan tổ chức và doanh nghiệp Nhà nước (bao gồm cả những người làm công theo chế độ hợp đồng dài hạn) được cử đi nước ngoài. Nếu phát hiện nhân sự thuộc đối tượng không được xuất cảnh hoặc chưa được phép xuất cảnh vì lý do an ninh quốc gia hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (đang bị khởi tố, đang thi hành án... theo quy định của pháp luật) thì Bộ Nội vụ có quyền đình chỉ xuất cảnh và kịp thời thông báo cho các cơ quan hữu quan biết;

4. Cấp hộ chiếu và thị thực xuất cảnh:

a) Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm cấp hộ chiếu, thị thực cho các đối tượng thuộc diện quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị định số 48/CP ngày 8 tháng 7 năm 1993 của Chính phủ.

Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm cấp hộ chiếu, thị thực cho những đối tượng thuộc diện quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 của Nghị định số 48/CP ngày 8 tháng 7 năm 1993 của Chính phủ.

b) Trong 5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ phải hoàn thành việc cấp hộ chiếu và thị thực cho đương sự.

Thị thực xuất cảnh có thể cấp cho qua lại một hoặc nhiều lần tại một hoặc nhiều cửa khẩu quốc tế của Việt Nam tùy theo yêu cầu công tác và đề nghị của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xuất cảnh.

Điều 3. Đối với công dân Việt Nam thuộc diện quy định tại khoản 4 Điều 1, thủ tục giải quyết xuất cảnh như sau:

1. Hồ sơ xin cấp hộ chiếu và thị thực:

a) 01 đơn khai (theo mẫu do Bộ Nội vụ quy định) có ảnh và xác nhận đồng ý của:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp Nhà nước đối với nhân sự thuộc biên chế Nhà nước (kể cả những người thuộc diện biên chế Nhà nước được cử sang làm việc trong các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam);

Công an phường, xã (nơi cư trú) đối với nhân sự ngoài biên chế Nhà nước xin xuất cảnh vì mục đích của các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế quốc doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam và vì mục đích cá nhân khác.

Người ký xác nhận vào đơn của đương sự phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhân sự do mình chứng thực (hiện tại không có vướng mắc về an ninh, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự);

b) Giấy mời hoặc giấy bảo lãnh của tổ chức hoặc thân nhân ở nước ngoài (không bắt buộc nộp bản chính và không cần xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài vào giấy mời).

2. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm:

a) Xem xét, không cho phép xuất cảnh những trường hợp thuộc diện không được xuất cảnh hoặc chưa được xuất cảnh vì lý do an ninh quốc gia hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (đang bị khởi tố, hoặc đang thi hành án...) theo quy định của pháp luật;

b) Cấp hộ chiếu và thị thực cho các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 48/CP ngày 8 tháng 7 năm 1993 của Chính phủ;

c) Thời hạn hoàn thành việc cấp hộ chiếu và thị thực:

07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp xuất cảnh để thăm dò, khảo sát thị trường và thực hiện các hợp đồng kinh tế, thương mại, dịch vụ, đào tạo, lao động, chuyên gia...;

10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp xuất cảnh vì mục đích cá nhân khác.

Chương II

THỦ TỤC NHẬP CẢNH

Điều 4.